| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN NAM TỪ LIÊM**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **286**/2019/QĐST-HNGĐ | *Nam Từ Liêm, ngày 09 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996**

HKTT: TDP số 3 M, phường M, quận N, TP.H.

Chỗ ở: Số 14, ngách 48/32/28 TDP số 3 M, phường M, quận N, TP.H.

**- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994**

HKTT: TDP Đông, phường X, quận B, TP. H.

Chỗ ở: Số 9, ngách 126/2 TDP số 3, phường X, quận B, TP.H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/5/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Mễ Trì , quận Nam Từ Liêm , thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2016 ngày 13/5/2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân, không có sự quan tâm, chia sẻ và không duy trì quan hệ vợ chồng với nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả anh T và chị L vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét đơn yêu cầu và các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/10/2016. Sau khi ly hôn, anh T và chị L thỏa thuận giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu H trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung: Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh T, chị L mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Xét thấy anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn và cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 01/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/10/2016. Giao cháu Nguyễn Gia H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu H trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số AK/2010/0008808 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh T, chị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND Q.Nam Từ Liêm;*
*- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;*
*- UBND phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội (GCNKH số 61/2016 ngày 13/5/2016);*
*- Lưu HS, VP.*

**Trần Thắng**